

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 5 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG -TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lợi

Bà Hoàng Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa:

Bà Lê Thị Thu - Là Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Quảng Xương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án thụ lý số 41/202/TLST- HNGĐ ngày 15/3/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T - sinh năm 1993. (có mặt).

Địa chỉ: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1991. (vắng mặt).

Địa chỉ: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2022, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/7/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 8 năm 2021 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2021 đến nay mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quang A - sinh ngày 06/4/2017. Nguyên vọng của chị T khi ly hôn: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Đ được nuôi cháu Quang A và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ.

- Về tài sản: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 22/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ thừa nhận như chị Lê Thị T trình bày về điều kiện, thời gian và địa điểm kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, chị T bỏ chồng, bỏ con và không quan tâm đến gia đình. Từ sau tết nguyên đán năm 2022 vợ chồng không ở cùng nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh Đ thấy vợ chồng vẫn đang còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quang A - sinh ngày 06/4/2017.

Nguyên vọng của anh Đ nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu Quang A và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.**

*** Đại diện VKS phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy Đ tại điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Dương sự đã thực hiện đúng quy Đ tại điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T; xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ có 01

con chung là Nguyễn Quang A - sinh ngày 06/4/2017. Giao cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Quang A và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ. Về tài sản và vay nợ: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ tại xã T, huyện Quảng Xương và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu xin ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Như vậy theo quy Đ tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/7/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T và anh Đ đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh Đ cho rằng chị T bỏ chồng, bỏ con không quan tâm đến gia đình và vợ chồng đã sống ly thân từ tết nguyên đán năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị T cho rằng vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2021 đến nay cũng không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Anh Nguyễn Văn Đ không đồng ý ly hôn, nhưng anh Đ lại không tìm ra các biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, dẫn đến việc chị T vẫn không muốn quay về đoàn tụ. Vì vậy HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Đ không thể hàn gắn được nữa nên chấp nhận nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quang A - sinh ngày 06/4/2017.

Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng giao con cho anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ. Anh Đ cũng có nguyện vọng nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Quang A và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX thấy rằng nguyện vọng được nuôi con, điều kiện nuôi con của anh Đ là chính đáng, hơn nữa lâu nay cháu Quang A đang ở với anh Đ. Vì vậy giao cháu Nguyễn Quang A cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và chị Lê Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản, vay nợ: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Lê Thị T.

Xử:

- **Về hôn nhân:** Chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

- **Về con chung:** Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang A - sinh ngày 06/4/2017.

Giao cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Quang A. Chị Lê Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ.

Chị Lê Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản, cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- **Về tài sản, vay nợ:** Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009342 ngày 15/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai có mặt chị Lê Thị T, vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ. Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- UBND xã Quảng Lưu, H Quảng Xương
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy

